Chi tiết mã HS 9606.10.10

Mã HS	9606.10.10
Mô tả hàng hóa	Khuy, khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm, lõi khuy (loại khuy bọc) và các bộ phận khác của các mặt hàng này; khuy chưa hoàn chỉnh (button blank) / - Khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm và bộ phận của chúng: / - - Bằng plastic
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 00:24:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/96061010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18884
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18884
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18884
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18146
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18075
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18075
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18075
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18075
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18075
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18075
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18131
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18131
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18131

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18131
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18131
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18131
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18132
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18132
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18132
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18132
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18132
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18132
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F18137
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18094
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F18089
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G18089
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H18089
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I18089
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J18089
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K18089
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18137
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18137
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18137
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18137
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18137
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18137
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18201
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18201
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18201

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18201
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18201
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18201
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18175
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18175
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18175
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18175
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18175
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18175
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D18168
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E18168
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F18168
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G18168
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H18168
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I18168
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18198
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18198
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18198
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18198
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18198
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18198
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18197
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18197
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18197
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18197
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18197

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18197
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18291
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18291
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18291
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18291
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18291
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18291
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18291
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D18162
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E18162
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F18162
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G18162
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H18162
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I18162
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D18162
RCEP B	2023	2023	20	B!E18162
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F18162
RCEP B	2025	2025	15	B!G18162
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H18162
RCEP B	2027	2027	10	B!I18162
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D18160
RCEP C	2023	2023	20	C!E18160
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F18160
RCEP C	2025	2025	15	C!G18160
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H18160
RCEP C	2027	2027	10	C!I18160

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D18159
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E18159
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F18159
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G18159
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H18159
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I18159
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D18164
RCEP E	2023	2023	20	E!E18164
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F18164
RCEP E	2025	2025	15	E!G18164
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H18164
RCEP E	2027	2027	10	E!I18164
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D18162
RCEP F	2023	2023	20	F!E18162
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F18162
RCEP F	2025	2025	15	F!G18162
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H18162
RCEP F	2027	2027	10	F!I18162
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F17026
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G17026
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H17026
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I17026

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9606.10 có 2 dòng thuế; dòng 9606.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bằng plastic.	9606.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9606.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9606.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18884), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.